

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 302/2026/DS-ST

Ngày 29 - 7 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kim Thành** và bà **Huỳnh Thị Mỹ Liên**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Diệu Ny** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2026/TLST-DS ngày 30.3.2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1052/2026/QĐXXST-DS ngày 19.6.2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1081/2026/QĐST-DS ngày 14.7.2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V (V1)**. Địa chỉ: H L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T - Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và các ông (bà) Lê Thị Thảo N, Nguyễn Văn D, Võ Thị Thủy T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng D, số A P, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07.11.2025 và Văn bản ủy quyền số: 735.04/2026/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 01.4.2026), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị T2** - Sinh năm: 1963; CCCD số: 049163012675 cấp ngày 27.8.2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1. Địa chỉ: P Chung cư D đường C, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08.8.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP V và bà Vũ Thị T2 đã ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: LD22088001088 ngày 29.3.2022. Theo hợp đồng thì bà Vũ Thị T2 vay số tiền 57.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.4.2022; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định Ngân hàng TMCP V; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, bà Vũ Thị T2 thanh toán được số tiền là 75.366.153 đồng (gốc 50.452.112 đồng, tiền lãi 24.914.041 đồng) và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15.01.2025. Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 10.465.901 đồng (gốc 6.547.888 đồng, tiền lãi 3.918.013 đồng).

- Hợp đồng cho vay số: LD23003703660 ngày 06.02.2023. Theo hợp đồng thì bà Vũ Thị T2 vay số tiền 26.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.3.2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 20,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định Ngân hàng TMCP V; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, bà Vũ Thị T2 thanh toán được số tiền là 22.137.469 đồng (gốc 14.421.072 đồng, tiền lãi 7.716.397 đồng) và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15.01.2025. Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 17.476.272 đồng (gốc 11.578.928 đồng, tiền lãi 5.897.344 đồng).

- Hợp đồng cho vay số: LD2400902375 ngày 09.01.2024. Theo hợp đồng thì bà Vũ Thị T2 vay số tiền 94.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.02.2024; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21%/năm; lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định Ngân hàng TMCP V; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, bà Vũ Thị T2 thanh toán được số tiền là 40.173.174 đồng (gốc 23.331.878 đồng, tiền lãi 16.841.296 đồng) và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15.01.2025. Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 108.809.411 đồng (gốc 70.668.122 đồng, tiền lãi 38.141.289 đồng).

Do bà Vũ Thị T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V đã chuyển dư nợ gốc của các hợp đồng sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng TMCP V đã nhắc nhở, yêu cầu nhưng bà Vũ Thị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã

thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Vũ Thị T2 phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29.7.2026 theo các hợp đồng nói trên tổng cộng là 136.751.584 đồng (nợ gốc là 88.794.938 đồng, tiền lãi là 47.956.646 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bà Vũ Thị T2 đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Vũ Thị T2 đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, tại phiên tòa cho đến trước thời điểm nghị án, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc bà Vũ Thị T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 29.7.2026 là 136.751.584 đồng (nợ gốc là 88.794.938 đồng, tiền lãi là 47.956.646 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại các hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị T2 thanh toán nợ theo Hợp đồng cho vay. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Vũ Thị T2 cư trú tại phường S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Vũ Thị T2 đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng cho vay số: LD22088001088 ngày 29.3.2022, Hợp đồng cho vay số: LD23003703660 ngày 06.02.2023 và Hợp đồng cho vay số: LD2400902375 ngày 09.01.2024 mà Ngân hàng TMCP V ký với bà Vũ Thị T2 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán:

Mặc dù bà Vũ Thị T2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP V cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Hợp đồng cho vay số: LD22088001088 ngày 29.3.2022:

Theo hợp đồng này, bà Vũ Thị T2 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 57.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 25%/năm và được cố định đến ngày 01.7.2022. Lãi suất sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần và được thực hiện vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm theo quy định của bên cho vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.4.2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị T2 đã thanh toán được số tiền 75.366.153 đồng (gốc 50.452.112 đồng, tiền lãi 24.914.041 đồng). Do bà Vũ Thị T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung

về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo hợp đồng này là 10.465.901, trong đó nợ gốc là 6.547.888 đồng, tiền lãi là 3.918.013 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số: LD23003703660 ngày 06.02.2023:

Theo hợp đồng này, bà Vũ Thị T2 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 26.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 20,5%/năm và được cố định đến ngày 01.7.2023. Lãi suất sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần và được thực hiện vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm theo quy định của bên cho vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.3.2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị T2 đã thanh toán được số tiền 22.137.469 (gốc 14.421.072 đồng, tiền lãi 7.716.397 đồng). Do bà Vũ Thị T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo hợp đồng này là 17.476.272 đồng, trong đó nợ gốc là 11.578.928 đồng, tiền lãi là 5.897.344 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số: LD2400902375 ngày 09.01.2024:

Theo hợp đồng này, bà Vũ Thị T2 vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 94.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm vay là 21%/năm và được cố định đến ngày 01.7.2024. Lãi suất sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần và được thực hiện vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm theo quy định của bên cho vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, bắt đầu từ ngày 15.3.2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị T2 đã thanh toán được số tiền 40.173.174 đồng (gốc 23.331.878 đồng, tiền lãi 16.841.296 đồng). Do bà Vũ Thị T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 6 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 29.7.2026, bà Vũ Thị T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền theo hợp đồng này là 108.809.411 đồng, trong đó nợ gốc là 70.668.122 đồng, tiền lãi là 38.141.289 đồng.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 2 của các Hợp đồng cho vay nói trên và Điều 7 Phần B - Bản điều kiện giao dịch chung về vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V1 thì bà Vũ Thị T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị T2 phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc bà Vũ Thị T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ theo các hợp đồng tính đến ngày 29.7.2026 là 136.751.584 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký kết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V được chấp nhận nên bà Vũ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Vũ Thị T2.

Xử:

1. Buộc bà Vũ Thị T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 29.7.2026 là 136.751.584 (nợ gốc là 88.794.938 đồng, tiền lãi là 47.956.646 đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: LD22088001088 ngày 29.3.2022 là 10.465.901 đồng (nợ gốc là 6.547.888 đồng, tiền lãi là 3.918.013 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi bà Vũ Thị T2 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: LD23003703660 ngày 06.02.2023 là 17.476.272 đồng (nợ gốc là 11.578.928 đồng, tiền lãi là 5.897.344 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi bà Vũ Thị T2 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: LD2400902375 ngày 09.01.2024 là 108.809.411 đồng (nợ gốc là 70.668.122 đồng, tiền lãi là 38.141.289 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 30.7.2026 cho đến khi bà Vũ Thị T2 thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Trường hợp trong các hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Vũ Thị T2 phải chịu là 6.837.579 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.570.010 đồng theo Biên lai thu số 0004590 ngày 27.10.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện